

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 498/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;

2. Bà Trần Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thùy Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1142/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 2000; nơi thường trú: Tổ H, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: Kề nhà số D, Đường số F, Tổ E, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn V, sinh năm: 1992; nơi thường trú: Ấp Q, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ; nơi ở hiện nay: Số A đường M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 9 năm 2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Bà với ông Huỳnh Văn V tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2020, ngày 07/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng tại nhà trọ ở ấp B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau kết hôn, cuộc sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông V nhiều lần chửi rủa, đánh đập và xúc phạm gia đình bà. Ông V cũng không quan tâm đến vợ con, mọi vấn

đề về chi tiêu cũng như nuôi dạy, chăm sóc con đều do bà tự làm. Vì vậy nên bà quyết định ly thân và dọn về sống chung với ba mẹ ở huyện C. Còn ông Vũ về sinh sống và đăng ký tạm trú tại E L, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Huỳnh Ngọc T, sinh ngày: 25/04/2020; hiện con chung đang sống với bà D. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, thông báo kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú (bản photo), căn cước công dân (bản sao), giấy khai sinh con chung (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27 tháng 3 năm 2024, bà D xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn V; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc T, sinh ngày: 25/04/2020 và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: bà xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông Huỳnh Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông V.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2023, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” được quy định tại Điều 56

của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc trường hợp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C trước thời điểm Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án. Sau khi nguyên đơn nộp Đơn khởi kiện ngày 06/9/2023 và Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý giải quyết vụ án ngày 17/10/2023 thì bị đơn chuyển đến cư ngụ tại Số A M, phường A, thành phố T (Bút lục 30). Tuy nhiên, vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

[1.2] Về tổng đạt, xét xử vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Huỳnh Thanh V1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 18/2020, ngày 07/02/2020 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện ly hôn với ông Huỳnh Văn V là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà D thì mâu thuẫn giữa bà với ông V là trầm trọng và không thể hàn gắn do ông V bạo lực gia đình, xúc phạm gia đình bà D, không quan tâm chăm sóc vợ con làm cho gia đình mất hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà với ông V đã ly thân với nhau.

Ông Huỳnh Văn V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thùy D với ông Huỳnh Văn V không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai bên không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Huỳnh Ngọc T, sinh ngày: 25/4/2020, giới tính: Nữ; hiện con chung đang sống với bà D. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung và yêu cầu của bà D nên cần giao cho bà D tiếp tục được quyền nuôi dưỡng con chung, ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của bà **D** xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Nghĩa vụ dân sự chung: Ghi nhận lời khai của bà **D** xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà **Nguyễn Thị Thùy D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng

[5]. Về phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Thùy D**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thùy D** được ly hôn với ông **Huỳnh Văn V**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2020 ngày 07/02/2020 đã được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **V**, Thành phố **Cần Thơ** cấp cho bà **D**, ông **V** không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên **Huỳnh Ngọc T**, sinh ngày: 25/4/2020. Bà **D** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **D** không yêu cầu ông **V** cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà **D** phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2023/0018302 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, **T1** phò Hồ Chí Minh. Bà **D** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Anh Đạt**

